

Bản án số: 240/2024/ DS-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Minh Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Ông Nguyễn Thái Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thoi – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/8/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST- DS ngày 04/4/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2024/QĐST-DS ngày 25/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1976; địa chỉ: B đường số H, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: I L, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Công D, sinh năm 1976; địa chỉ: E Khu phố E, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: 29 đường số H, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:*

Vào ngày 22/3/2022, ông Phan Văn H có vay của vợ chồng bà L (chồng bà L là ông Đỗ Công D) số tiền 35.000.000đồng (ba mươi lăm triệu đồng) (Ông Phan Văn H hiện tại chưa có vợ con). Hai bên có đến Phòng C để làm hợp đồng vay tiền, với số tiền vay 35.000.000, thời hạn vay 24 tháng, hai bên thỏa thuận không tính lãi.

Sau khi hai bên ký kết xong hợp đồng vay tiền, cùng ngày 22/3/2022 vợ chồng bà L đã giao đủ số tiền 35.000.000đồng cho ông H (ngoài sự chứng kiến của công chứng viên). Do ông H là bạn thân của chồng bà L và hai bên cũng đã ký hợp đồng tại Phòng Công chứng, nên khi giao tiền cho ông H thì hai bên không làm giấy biên nhận về việc nhận tiền.

Ngày 22/9/2022 ông H có vay tiếp của vợ chồng bà L, ông Danh số tiền 5.000.000đồng, ông H cam kết sẽ trả vào năm 2023, các bên không thỏa thuận lãi. Khi vay tiền ông H có viết giấy vay tiền.

Từ lúc ông H vay tiền cho đến thời điểm hiện tại, ông H chưa trả tiền cho vợ chồng bà L mặc dù đã được nhắc nhiều lần nhưng ông H lẩn tránh.

Nay bà L yêu cầu ông Phan Văn H trả cho vợ chồng bà số tiền đã vay là 35.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2022 (Hợp đồng vay tiền số công chứng 04365, quyển số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/3/2022 tại Phòng C – Thành phố Hồ Chí Minh và 5.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 22/9/2022. Tổng cộng là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu ông H trả lãi. Yêu cầu ông H thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Công D vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai ngày 24/4/2024 có cùng ý kiến với bà L.*

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6:*

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phan Văn H thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Đỗ Công D số tiền 40.000.000đ; ông Phan Văn H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện ông Phan Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Công D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông Phan Văn H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Theo lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ hợp đồng vay tiền lập ngày 22/3/2022 tại Phòng C, số công chứng 04365, quyển số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD thì giữa ông Đỗ Công D, bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Phan Văn H đã phát sinh mối

quan hệ về vay tài sản; bên cho vay là ông D, bà L, bên vay là ông H; số tiền vay là 35.000.000đ. Thời hạn vay là 24 tháng; không tính lãi; ngoài ra, tại tờ giấy viết tay ông H xác nhận ngày 22/9/2022 có vay của bà Nguyễn Thị Trúc L số tiền 5.000.000đ, không tính lãi và hứa trả vào tháng 10/2023.

Theo phía bà L thì ông H không trả tiền khi đến hạn. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tới ông H nhưng phía ông H không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

Như vậy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì phía ông H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông Phan Văn H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Đỗ Công D nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông Phan Văn H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Đỗ Công D số tiền gốc tổng cộng là 40.000.000đ.

Về tiền lãi chậm thanh toán: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về thời hạn thanh toán: Ông Phan Văn H phải trả số nợ tổng cộng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Đỗ Công D ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Phan Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H phải chịu án phí là 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 264, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L

Buộc ông Phan Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Đỗ Công D 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) - Trong đó 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) là số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/3/2022 lập tại Phòng C, số công chứng 04365, quyền số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) là số tiền vay còn nợ theo Giấy viết tay ngày 22/9/2022.

Thời hạn trả là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Phan Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Trúc L được nhận lại 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009742 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Minh Châu**

